

Nhìn lại lịch sử nghiên cứu về hội nhập Tam giáo Nho, Phật, Đạo ở Trung Quốc và Việt Nam thời trung đại

Nguyễn Tuấn Cường*

Nhận ngày 29 tháng 11 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 5 năm 2022.

Tóm tắt: Bài viết lược thuật những công trình nghiên cứu chủ yếu trên thế giới và ở Việt Nam viết bằng tiếng Việt, Anh, Trung về hiện tượng hội nhập Tam giáo Nho, Phật, Đạo ở Trung Quốc và Việt Nam thời trung đại. Quan sát lịch sử phát triển của lĩnh vực nghiên cứu sự hội nhập Tam giáo có thể nhận thấy, về cơ bản lĩnh vực này đã xác lập được những khuôn khổ, mô hình có tính bao quát, tổng thể để nhìn nhận quan hệ giữa Tam giáo. Giới học thuật quốc tế và Việt Nam, dù thực hiện các công trình nghiên cứu tương đối độc lập giữa hai bên, nhưng đều đi đến khẳng định sự tồn tại của hiện tượng hội nhập, hoà nhập tư tưởng giữa Tam giáo Nho, Phật, Đạo trong thời trung đại ở Trung Quốc và Việt Nam. Hiện tượng này có thể coi là một trục tâm trong lịch sử tư tưởng, văn hoá, xã hội của hai nước trong giai đoạn trung đại.

Từ khoá: Tam giáo, Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo, Việt Nam.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: This paper makes a brief review on the study in the world and in Vietnam (written in Vietnamese, English, and Chinese) of the syncretisation of the Three Teachings (Confucianism, Buddhism, and Taoism) in China and Vietnam. By analysing the state of this field in the two countries, we could say that, general frameworks in the field have been basically established to understand the outline of the relationship between the Three Teachings. Although the international and Vietnamese academic circles have conducted relatively independent researches, they all have confirmed the existence of the syncretisation of thoughts among Confucianism, Buddhism, and Taoism in the medieval China and Vietnam. This phenomenon can be considered a central axis in the history of thought, culture, and society of the two countries in the medieval period.

Keywords: Three Teachings, Confucianism, Buddhism, Taoism, Vietnam.

Subject classification: Philosophy

1. Dẫn nhập

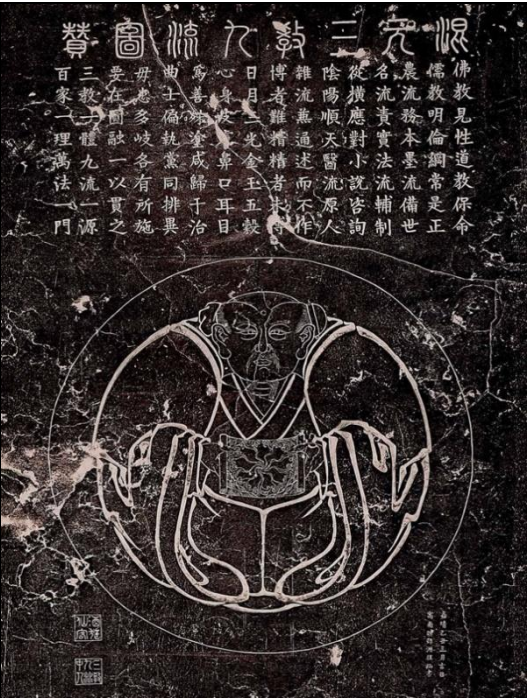
Trong chùa Thiếu Lâm ở núi Tung Sơn 嵩山, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc, hiện nay vẫn lưu giữ một tấm bia đá cao 3,35m, rộng 1,15m, gọi là bia *Hỗn nguyên Tam giáo Cửu lưu đồ tán* 混元三教九流圖贊 (Tranh và bài Tán về Tam giáo và Cửu lưu cùng nguồn gốc). Bia được tạo năm thứ 44 niên hiệu Gia Tĩnh triều Minh (1565), do học giả nổi tiếng đời Minh là Chu Tải Dục 朱載堦 (1536-1611) sáng tác, viết chữ và vẽ. Bài Tán gồm 32 câu thơ bốn chữ, nói về bản chất tư tưởng của 12 yếu tố trong “Tam giáo” và “Cửu lưu”¹. Ngay ở ba câu đầu, bài Tán đã nhấn mạnh: “Phật giáo kiến tính,

* Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: cuonghannom@gmail.com

¹ Cửu lưu 九流: trong lịch sử Trung Quốc có nhiều quan niệm về “cửu lưu,” nhưng theo bài Tán trong bia *Hỗn nguyên Tam giáo Cửu lưu đồ tán* thì Cửu lưu gồm các học phái tư tưởng: Nông gia, Mặc gia, Danh gia, Pháp gia, Tung Hoàng gia, Tiểu Thuyết gia, Âm Dương gia, Y gia, Tạp gia (農、墨、名、法、縱橫、小說、陰陽、醫、雜).

Đạo giáo bảo mệnh, Nho giáo minh luân” 佛教見性，道教保命，儒教明倫 (Phật giáo nhận thức bản tính, Đạo giáo giữ gìn sinh mệnh, Nho giáo làm sáng tỏ luân lý). Ở đoạn cuối, bài Tán kết luận: “Tam giáo nhất thể, Cửu lưu nhất nguyên” 三教一體，九流一源 (Tam giáo một thể, Cửu lưu một nguồn). Đáng chú ý hơn, phần Đồ (tranh vẽ) trên bia vẽ một hình mà thoạt nhìn chỉ thấy một nhà sư, nhưng nhìn kĩ thì thấy có 3 hình người lồng vào nhau: chính diện là một nhà sư, mặt nghiêng bên trái là nhà nho, mặt nghiêng bên phải là một đạo sĩ. Từ trái sang phải lần lượt chính là tượng của Khổng tử, Thích Ca, Lão tử, các ông tổ của “Tam giáo” gồm Nho giáo 佛教, Phật giáo 儒教 (còn gọi Thích giáo 釋教), và Đạo giáo 道教. Hình ảnh ba vị giáo tổ lồng vào nhau như vậy được gọi là “Tam Thánh hợp thể tượng” 三聖合體像 (tượng ba vị thánh hợp thể), đã trở thành biểu tượng cho quan niệm “Tam giáo hợp nhất” 三教合一 trong lịch sử tư tưởng, tôn giáo và văn hoá Trung Quốc (Li Silong, 2011, tr.42).

	
Nửa trên tấm bia: phần trên là bài Tán, phần dưới là Đồ.	Mô hình “Tam Thánh hợp thể tượng” 三聖合體像 được vẽ lại bằng kỹ thuật đồ hoạ.
Một số hình ảnh tấm bia <i>Hỗn nguyên Tam giáo Cửu lưu đồ tán</i> 混元三教九流圖贊 Nguồn ảnh: wantubizhi.com (tháng 1/2018).	

2. Tam giáo hợp nhất ở Trung Quốc

2.1. Tam giáo

Theo cứ liệu hiện biết, cụm từ “Tam giáo” 三教 với ý trở Nho, Phật, Đạo xuất hiện sớm nhất trong thư tịch Trung Quốc vào nửa cuối thế kỷ VI thời Bắc Chu 北周 (557-581)² trong sách *Tề Tam giáo luận* 齊三教論 của Vệ Nguyên Hao 衛元蒿 (Wei Yuanhao) - một cuốn sách được xếp vào nhóm sách Đạo giáo (Jao, 2009, tr.66). “Tam giáo” được dùng với ý nghĩa gốc là “ba loại giáo huấn” (three teachings), bởi chữ “giáo” 教 trong truyền thống Trung Quốc vốn có nghĩa giáo dục, dạy bảo.

² Bắc Chu (557-581): một triều đại trong thời kỳ Nam Bắc Triều 南北朝 (420-589).

Chữ “giáo” chỉ bắt đầu chuyển sang nghĩa “tôn giáo” từ đầu thế kỷ XX khi nó trở thành một yếu tố trong từ ghép “tôn giáo” (宗教) vốn được dịch từ “religion” ở phương Tây (Sun, 2013, tr.23). Bởi vậy, khi bàn về khái niệm “Tam giáo” trong lịch sử Trung Quốc cũng như Đông Á, giới học thuật Anh ngữ thường dùng thuật ngữ “Three Teachings” hơn là “Three Religions”. Khi viết về thuật ngữ “Tam giáo”, bộ sách *The Illustrated Encyclopedia of Confucianism* (Bách khoa thư Nho giáo có minh hoạ) đã lưu ý độc giả rằng: “Mặc dù trên thực tế Nho giáo được luôn được đặt bên cạnh Đạo giáo và Phật giáo, lại luôn được liệt kê đầu tiên, nhưng điều đó không khẳng định địa vị của Nho giáo như một tôn giáo thực thụ trong quan niệm của những người sử dụng thuật ngữ Tam giáo. Nho giáo vẫn còn bị nhiều người lờ đi cái truyền thống có tính tôn giáo của nó. Thuật ngữ này thường được dùng để trở ba thế giới quan chủ đạo đã chiếm vị trí trọng yếu trong lịch sử các ý tưởng ở Trung Quốc” (Taylor & Choy, 2005, tr.493)³.

Từ thời điểm xuất hiện ấy, xét từ cả khía cạnh lịch đại và đồng đại, thuật ngữ “Tam giáo” đã liên tục được sử dụng, những thảo luận đa chiều về mối quan hệ giữa Tam giáo Nho, Phật, Đạo cũng liên tục được đề xuất không chỉ ở Trung Quốc, mà còn lan sang các nước khác thuộc khu vực Đông Á và Đông Nam Á. Từ thế kỷ XX, chủ đề mối quan hệ Tam giáo cũng dần thu hút giới học giả Âu - Mỹ quan tâm nghiên cứu, thảo luận.

Trong lịch sử Trung Quốc, nhiều diễn ngôn về Tam giáo đã được đề xuất, nhiều đền miếu thờ Tam giáo đã được thành lập, nhiều hội nhóm có tính chất Tam giáo đã từng hoạt động. Thậm chí, Lâm Triệu Ân 林兆恩 (1517-1598, Lin Zhaoen), người huyện Bồ Điền 莆田 (Putian) tỉnh Phúc Kiến, từ khoảng giữa thế kỷ XVI còn thành lập một giáo phái riêng lấy tên là “Tam Nhất giáo” 三一教 với chủ trương dung hợp Tam giáo. Giáo phái này phát triển rộng ra nhiều tỉnh ở các quốc gia và vùng lãnh thổ Trung Quốc, Đài Loan, theo chân Hoa kiều sang Malaysia, Singapore, tồn tại cho đến ngày nay với hàng ngàn giáo đường, tổng cộng khoảng 300.000 tín đồ (Berling, 1980; Liu 1967; Franke, 1972; He Shanmeng 2011; Jao, 2009).

Quốc học đại sư Jao Tsung-I 饒宗頤 (Nhiêu Tông Di, 1917-2018) đã đưa ra quan điểm như sau ở thời điểm năm 1982: “Sự tiến triển của tư tưởng học thuật Trung Quốc lấy Tam giáo Nho, Đạo, Thích làm nền tảng; sự tiếp xúc, xung đột, điều hoà, từ đó đến hỗn dung của Tam giáo chính là điểm nổi bật trong văn hoá Trung Quốc” (Jao, 2009, tr.91).

2.2. Tam giáo hợp nhất

Để trở mối quan hệ kết hợp hài hoà, hoặc ít nhất là cùng tồn tại không có mâu thuẫn giữa Tam giáo, người Trung Quốc thường dùng các thuật ngữ “Tam giáo hợp nhất” 三教合一 hoặc “Tam giáo hợp lưu” 三教合流; bên cạnh đó họ cũng có sử dụng, mặc dù không phổ biến, các cách gọi: “Tam giáo đồng nguyên” 三教同源, “Tam giáo nhất nguyên” 三教一源, “Tam giáo quy nhất” 三教歸一, hoặc “Tam giáo tịnh hành” 三教並行; trong khi đó, cách gọi thứ ba (“Tam giáo đồng nguyên”) được sử dụng phổ biến nhất trong giới học thuật Việt Nam.

Vấn đề “Tam giáo hợp nhất” tại Trung Quốc đã được rất nhiều học giả tham gia thảo luận. Có những công trình nghiên cứu một cách toàn diện, ở phạm vi rộng lớn về thời gian hoặc không gian (Hong, 2011; Wang, 2009; Li Xia, 2006; Xu, 2016; Tang Dachao, 2000; Tang Yijie, 2012; Huang, 2001; Shao & Qi, 2007; Smith, 1978; Paracka, 2012). Cũng có những công trình nghiên cứu trường hợp (case study) về quan niệm Tam giáo hợp nhất trong một tác phẩm cụ thể (Ye, 2014), ở một học giả cụ thể (He Jing, 2007; Park, 2002), hoặc của một bậc quân chủ, để vương từng chú trọng Tam giáo

³ Nguyên văn: “The fact that Confucianism is included with Taoism and Buddhism and is always listed first does not raise the status of Confucianism as a religion per se in the eyes of those who use this term. Confucianism remains largely ignored as a religious tradition. The term refers more to the meaning of the three dominant worldviews that have occupied the major positions in the history of ideas in China.”

hợp nhất, như Lương Vũ Đế, Minh Thái Tổ, Ung Chính (Pan, 1986; Langlois & Sun, 1983; Tsukamoto, 1959). Một số công trình nghiên cứu mặc dù đề tên “Tam giáo” nhưng kỳ thực nội dung bàn đến Nho, Phật, Đạo một cách độc lập, không đặt trong mối quan hệ với nhau, thì không phải là chủ đề quan tâm trong bài viết này.

Để theo dõi vấn đề quan hệ Tam giáo, từ góc độ thư mục học, có thể tham khảo cuốn sách *Nho Thích Đạo tam giáo quan hệ nghiên cứu luận văn tuyển tuý* 儒释道三教关系研究论文选粹 xuất bản năm 2016. Cuốn sách đã tập hợp 40 bài nghiên cứu quan trọng của các học giả tiêu biểu. Đồng thời, nửa sau của sách còn có 4 Phụ lục là mục lục các nhóm công trình nghiên cứu về mối quan hệ giữa Tam giáo hoặc theo quan hệ từng cặp, gồm bài viết tiếng Trung (1.534 bài), sách tiếng Trung (297 sách), nghiên cứu bằng tiếng Nhật (518 bài + sách), và các thứ tiếng phương Tây (119 bài + sách) (Zhang & Yang, 2016). Con số tổng cộng 2.468 đơn vị sách và bài nghiên cứu về mối quan hệ tam giáo bằng các ngôn ngữ chính trên thế giới đã cho thấy đây là một vấn đề thu hút được cộng đồng học thuật quốc tế quan tâm nghiên cứu và thảo luận.

Mặc dù các học giả có nhiều ý kiến khác nhau, nhưng xét về cơ bản thì có thể khái quát nên một số điểm chung như sau: (i) Giữa Tam giáo có cả mối quan hệ xung đột, đối thoại và hài hoà, tùy theo từng thời điểm lịch sử hay tác giả cụ thể; tuy nhiên hài hoà là xu hướng chủ đạo. (ii) Mỗi tác giả truyền thống thời trung đại khi bàn về Tam giáo thường đứng trên một lập trường căn bản của mình (là Nho giáo, Phật giáo hay Đạo giáo) để thảo luận, họ có xu hướng quy thuộc các “giáo” còn lại về phe mình, đồng thời cũng học tập và tiếp thu một số nhân tố từ các “giáo” kia để làm phong phú bản thân. (iii) Về sự phân công trách nhiệm thì quan niệm phổ biến cho rằng Tam giáo sở dĩ hài hoà được với nhau là do vai trò của chúng không trùng lặp: Phật giáo trị tâm, Đạo giáo trị thân, Nho giáo trị đời (以佛治心、以道治身、以儒治世 (dĩ Phật trị tâm, dĩ Đạo trị thân, dĩ Nho trị thế)). (iv) Ở Trung Quốc, vị trí tương đối giữa Tam giáo khác nhau theo từng thời kỳ lịch sử, nhưng trục tâm của mối quan hệ Tam giáo thường là Nho giáo. (v) Mô hình “Tam giáo hợp nhất” từ Trung Quốc đã lan truyền sang nhiều nước Đông Á và Đông Nam Á, được bản địa hoá để trở thành một vấn đề quan trọng và thú vị trong lịch sử và văn hoá ở hai khu vực này, đặc biệt là ở các nước Đông Á.

Theo Yan Yaozhong (2002), quá trình phát triển từ “Tam giáo” đến “Tam giáo hợp nhất” đã trải qua 3 giai đoạn: (i) giai đoạn Ngụy Tấn Nam Bắc Triều, mặc dù Tam giáo đã được gọi gộp với nhau, nhưng thật ra vẫn còn độc lập với nhau, chưa có sự gắn kết. (ii) giai đoạn Đường Tống là thời kỳ quá độ, chủ yếu là sự dung hợp về mặt ý thức nội tại giữa các “giáo” với nhau. (iii) giai đoạn Nguyên Minh mới thực sự hoàn chỉnh khái niệm “Tam giáo hợp nhất” về hình thái tôn giáo.

Một bài nghiên cứu quan trọng của Tang Yijie (2012) cho rằng, về mặt nội tại, trong bản thân Tam giáo ở Trung Quốc đã hàm chứa sẵn “tính bao dung” và “tính điều hoà” vượt trội hơn so với các tôn giáo khác trên thế giới vốn có “tính bài tha” (excludability) khá mạnh. Về mặt ngoại tại, các vương triều ít nhiều đều có các chính sách kiểm chế các tôn giáo ở những mức độ khác nhau. Bên cạnh đó, truyền thống đa nguyên hoá trong thờ cúng thần linh trong tín ngưỡng dân gian Trung Quốc cũng góp công tạo ra sự hài hoà giữa Tam giáo. Ba điều trên là nguyên nhân chính khiến cho trong lịch sử Trung Quốc chưa từng xảy ra chiến tranh có nguyên nhân từ xung đột tôn giáo.

Trên nền tảng truyền thống Tam giáo, trước những trào lưu tư tưởng và tôn giáo mới truyền nhập Trung Quốc từ thời cận đại, đến cuối đời Thanh lại xuất hiện chủ trương dung hợp cả Ki Tô giáo và Hồi giáo vào Tam giáo, gọi là “Ngũ giáo cộng hoà” 五教共和 (năm tôn giáo cùng hoà hợp), để thúc đẩy tiến trình hiện đại hoá ở Trung Quốc (Zhu, 2011).

3. Tam giáo đồng nguyên ở Việt Nam

Nho giáo truyền nhập Việt Nam vào khoảng thế kỷ thứ II trước Công nguyên, cùng với quá trình người Trung Quốc xâm chiếm và cai trị vùng đất Giao Chỉ, tức khu vực miền Bắc Việt Nam hiện nay.

Đạo giáo vào Việt Nam từ khoảng thế kỷ thứ II, có thể là theo chân một số quan lại Trung Quốc sang đô hộ Giao Chỉ, như Sĩ Nhiếp/Tiếp 士燮 (Shi She, 137-266), Trương Tân 張津 (Zhang Jin, sang Giao Châu năm 201) (Huệ Khải, 2010, tr.26). Còn Phật giáo đã vào lãnh thổ Việt Nam từ khoảng thế kỷ thứ nhất theo cả hai tuyến đường bộ và đường thủy. Vì vậy, Tam giáo đã xuất hiện đầy đủ ở Việt Nam muộn nhất là từ thời Sĩ Nhiếp (Lê Anh Minh, 2003). Học giả Việt Nam thường sử dụng thuật ngữ “Tam giáo đồng nguyên” để thể hiện khái niệm tương đương với “Tam giáo hợp nhất” của Trung Quốc.

Tư liệu gốc thể hiện tư tưởng Tam giáo hoặc Tam giáo đồng nguyên ở Việt Nam thời trung đại hầu hết đều được viết bằng chữ Hán và chữ Nôm, cũng có tác phẩm viết bằng chữ Quốc ngữ. Những tác phẩm quan trọng nhất cần kể đến gồm: *Tam giáo nhất nguyên thuyết* 三教一原說 (1744, chữ Hán) của Trịnh Tuệ (thế kỷ XVIII); *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* 竹林宗旨元聲 (1796, chữ Hán) của Ngô Thì Nhậm 吳時任 (1746-1803); *Tam giáo chính độ thực lục* 三教正度實錄 (1723, chữ Hán) và bản tóm tắt của sách này là cuốn *Tam giáo chính độ tập yếu* 三教正度輯要 (1892, chữ Hán); văn bia *Tam giáo tượng bi minh* 三教像碑銘 (1578, chữ Hán) của Nguyễn Bình Khiêm 阮秉謙 (1491-1585) ở chùa Cao Dương, Thái Bình, văn bia *Nhị Thanh động Tam Giáo từ bi kí* 二清峯三教祠碑記 (1780, chữ Hán) ở Lạng Sơn. Hoà thượng Phúc Điền 福田 (1784-1863) là nhà sư nổi tiếng thế kỷ XIX, ông vừa viết sách và dịch sách về Tam giáo, bao gồm: viết sách *Đạo giáo nguyên lưu* 道教原流 (1845, chữ Hán), còn có tên khác là *Tam giáo quản khuy lục* 三教管窺錄; sách dịch *Tam giáo nhất nguyên giải âm* 三教一原解音 (chữ Nôm) là bản dịch cuốn *Tam giáo nhất nguyên thuyết* của Trịnh Tuệ, sách *Thái căn đàm diễn âm* 菜根譚演音 (1860, chữ Nôm) là bản dịch sách *Thái căn đàm* 菜根譚 của tác giả người Trung Quốc Hồng Ứng Minh 洪應明 (1572-1620). Có hai cuốn sách đứng từ luận điểm của Thiên Chúa giáo để đối thoại với Tam giáo, là cuốn *Hội đồng tứ giáo* 會同四教 (1867, chữ Nôm), và cuốn *Tam giáo chư vọng* 三教諸妄 (1752, chữ Quốc ngữ). Ngoài ra còn một số đoạn văn ngắn của các tác gia trung đại Việt Nam viết về Tam giáo, nằm lẫn trong các sách hoặc văn bia⁴.



Nho Thích Đạo tam thánh đồ (儒釋道三聖圖), từ trái sang phải: Khổng Tử, Phật Thích Ca, Lão Tử. (Nguồn: *Đạo giáo nguyên lưu* 道教原流 (1845) của Phúc Điền 福田, kí hiệu A.1825/1, tờ 1a, Viện Nghiên cứu Hán Nôm).

⁴ Một số đoạn văn ngắn về Tam giáo đã được tập hợp và phân tích trong bài viết của Trịnh Khắc Mạnh (2017).

Vấn đề Tam giáo đồng nguyên ở Việt Nam đã được nhiều học giả Việt Nam đi sâu nghiên cứu, đồng thời cũng thu hút được sự một số học giả nước ngoài tham gia thảo luận, chủ yếu là học giả Trung Quốc. Có thể tạm thời phân loại những công trình nghiên cứu về Tam giáo đồng nguyên ở Việt Nam thành hai nhóm: (i) nghiên cứu chung về Tam giáo trong lịch sử văn hoá Việt Nam; (ii) nghiên cứu về tư tưởng Tam giáo trong một tác phẩm cụ thể hoặc của một tác giả cụ thể.

Ở nhóm (i) là nghiên cứu của các học giả Việt Nam: Nguyễn Văn Hào (1957), Trần Văn Hiến Minh và Vũ Đình Trác (1962), Trần Đình Hượu (1994), Trần Ngọc Vương (1998), Nguyễn Tài Thư (1999), Nguyễn Kim Sơn (2007), Lê Anh Dũng (2010), Trần Nghĩa (2010), Nguyễn Tài Đông (2013), Trịnh Khắc Mạnh (2017); ngoài ra còn có 3 học giả Trung Quốc cũng thảo luận khá tập trung về Tam giáo ở Việt Nam, đó là Huang Xinchuan (2001), Tang Yijie (2012), Niu Junkai (2013). Ở nhóm (ii) có Trần Văn Toàn (2003) và Trần Q. Anh (2017) viết về sách *Tam giáo chư vong*; Võ Phương Lan & Nguyễn Ngọc Quỳnh (2003), Trần Q. Anh (2012) nghiên cứu sách *Hội đồng tư giáo*; Trần Thị Thuý Ngọc (2011) và Thích Hạnh Tuệ (2018) tìm hiểu *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*; Nguyễn Kim Sơn (2016) nghiên cứu *Tam giáo nhất nguyên thuyết*; Trần Nguyên Việt (2005) tìm hiểu tư tưởng Tam giáo của Nguyễn Trãi.

Mặc dù còn nhiều điểm chưa hoàn toàn thống nhất với nhau, nhưng các nghiên cứu kể trên đều khẳng định tư tưởng Tam giáo đồng nguyên có vai trò quan trọng trong lịch sử tư tưởng Việt Nam. Nhiều tác gia Việt Nam thời trung đại có nền tảng tri thức Tam giáo khá đậm nét, như Nguyễn Trãi, Ngô Thì Sĩ, Trịnh Tuệ. Thời kỳ 1195-1247 (từ cuối thời Lý vắt sang đầu thời Trần), triều đình còn mở một số khoa thi Tam giáo để lấy người làm quan. Ở một số địa phương còn xây dựng cơ sở thờ tự Tam giáo, như chùa Tam Giáo 三教寺 (Tam Giáo tự) ở làng Đại Phùng, Hà Nội (Nguyễn Thị Dung, 2018) và chùa Cao Dương (Thái Bình) cũng là nơi thờ Tam giáo (Vũ & Đình, 1990), là hai chùa được xây từ thế kỷ XVI thời nhà Mạc; chùa Tam Giáo 三教寺 (Tam Giáo tự) ở Hà Nam, đền Tam Giáo 三教祠 (Tam Giáo từ) ở Lạng Sơn. Tùy từng giai đoạn cụ thể mà một trong ba yếu tố đó có thể là “trục tâm” tư tưởng, có vị trí trội hơn so với các yếu tố còn lại, như thời Lý - Trần (thế kỷ XI-XIV) thì Phật giáo trội hơn, từ thế kỷ XV trở đi thì Nho giáo chiếm vị trí quan trọng hơn. Trần Đình Hượu (1994, tr.76-77) cho rằng trong lịch sử Việt Nam, dù Nho giáo có thể chiếm địa vị chi phối, thậm chí có những giai đoạn được coi là độc tôn Nho giáo, nhưng không có hệ tư tưởng nào trong Tam giáo chi phối toàn diện và triệt để, mà có xu hướng phân công, phân vùng (Bắc, Trung, Nam), phân phạm vi (chính trị, xã hội, học thuật...) để có vai trò đậm nhạt khác nhau. Theo Trần Ngọc Vương (1998, tr.78-79), Tam giáo đồng nguyên là một phương cách có tính “khoan dung” để tránh độc tài về tư tưởng, là sự “lựa chọn cái dị ki hữu ích để tiếp thu, phát huy”. Trần Nghĩa (2010, tr.23) nhận định: “Tam giáo đồng nguyên có thể xem như là hệ quả của quá trình vừa cạnh tranh, vừa tiếp nhận lẫn nhau, để cuối cùng đi đến hội nhập trong đa dạng về phương diện tư tưởng”. Huang Xinchuan (2001) cho rằng, Tam giáo có ảnh hưởng quan trọng đến lịch sử tôn giáo, tư tưởng và văn hóa ở Việt Nam. Giữa Tam giáo có một mối quan hệ vừa cạnh tranh vừa hài hòa, tuy nhiên xu hướng chung là hướng tới sự hòa hợp. Niu Junkai (2013) nhận định ý tưởng về Tam giáo đồng nguyên vào thế kỷ XVIII ở Việt Nam là điểm tựa để xuất hiện đạo Cao Đài và Hòa Hảo trong giai đoạn đầu thế kỷ XX.

Nguyễn Kim Sơn (2007, tr.20) đã đưa ra một nhận định thể hiện cái nhìn không quy giản vấn đề, có thể coi là quan điểm phản ánh bản chất của mối quan hệ Tam giáo trong lịch sử Việt Nam thời trung đại như sau: “[...] ở Việt Nam, khung cảnh Tam giáo tịnh hành bổ sung mới là khung cảnh chung nhất của lịch sử tư tưởng Việt Nam thời kỳ trung đại, là đời sống tinh thần nói chung của Nho sĩ. Ở mỗi thời kỳ nhất định, một trong Tam giáo nổi lên vị trí chủ đạo. Nhưng nhìn chung nó là đa cực, là tương hỗ bổ sung chứ không phải nhất cực độc tôn của bất kỳ một tôn giáo nào”.

Có một đặc điểm khá rõ nét trong giới học thuật Việt Nam khi nghiên cứu về Tam giáo là, mặc dù họ hầu như không tham khảo và trích dẫn các nghiên cứu của đồng nghiệp nước ngoài đối với vấn đề Tam giáo ở Trung Quốc (cũng như rất ít tham khảo công trình nghiên cứu của các đồng nghiệp trong nước về cùng vấn đề), nhưng kết quả nghiên cứu của họ cho thấy tư tưởng “Tam giáo đồng nguyên” ở Việt Nam khá tương đồng với tư tưởng “tam giáo hợp nhất” mà các học giả thế giới đã và đang mô tả về mối quan hệ Tam giáo ở Trung Quốc.

4. Kết luận

Nhìn tổng thể, có thể nói là giới học thuật quốc tế và Việt Nam “đồng quy nhi thù đồ” 同歸而殊途 (đi khác đường nhưng cùng đến một đích), thực hiện các công trình nghiên cứu tương đối độc lập giữa hai bên nhưng đều đi đến khẳng định sự tồn tại của hiện tượng hội nhập, hoà nhập tư tưởng giữa Tam giáo Nho, Phật, Đạo trong thời trung đại ở Trung Quốc và Việt Nam. Hiện tượng này có thể coi là một trục tâm trong lịch sử tư tưởng, văn hoá, xã hội của hai nước trong giai đoạn trung đại. Điểm khác biệt nằm ở phạm vi và quy mô nghiên cứu. Tại Trung Quốc, vấn đề Tam giáo thể hiện ở nhiều nguồn tài liệu nguyên cấp (primary source), được đông đảo các nhà khoa học trong và ngoài Trung Quốc cùng tham gia bàn thảo, các vấn đề nghiên cứu đã định hình khuôn khổ chung và đi rất sâu vào từng vấn đề chi tiết, cụ thể. Trong khi đó ở Việt Nam, tư liệu nguyên cấp không quá phong phú, số lượng nhà khoa học tham gia chưa đủ nhiều, lại ít có sự chung sức của cộng đồng học thuật quốc tế, nên vẫn còn nhiều khoảng trống trong nghiên cứu cần được triển khai để lấp đầy.

Quan sát lịch sử phát triển của lĩnh vực nghiên cứu sự hội nhập Tam giáo có thể nhận thấy, về cơ bản lĩnh vực này đã xác lập được những khuôn khổ, mô hình có tính bao quát, tổng thể để nhìn nhận quan hệ giữa Tam giáo ở cả Trung Quốc và Việt Nam. Dự đoán trong thời gian sắp tới, lĩnh vực này sẽ tiếp tục được đào sâu tìm hiểu từ một số góc độ: đi sâu phân tích chi tiết từng văn bản, tác phẩm, nhân vật, giai đoạn cụ thể; nghiên cứu mối quan hệ của từng cặp đôi trong Tam giáo; nghiên cứu mối quan hệ giữa Nho, Phật, Đạo với các hệ thống tư tưởng, triết học, tôn giáo khác cùng tồn tại, như Ki Tô giáo, Hồi giáo và các tôn giáo bản địa.

Tài liệu tham khảo

1. *Đạo giáo nguyên lưu* 道教原流 (1845), A.1825/1, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
2. *Hội đồng tứ giáo* 會同四教, AB.305, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
3. Nguyễn Tài Đồng (2013), “Tam giáo đồng nguyên và tính đa nguyên trong truyền thống văn hoá Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 5.
4. Nguyễn Văn Hào (1957), *Việt Nam Tam giáo sử*, Phạm Văn Tươi xuất bản, Saigon.
5. Trần Đình Hượu (1994), “Nghiên cứu các hệ tư tưởng Nho, Phật, Đạo từ góc độ lịch sử tư tưởng và đạo đức học”, *Đến hiện đại từ truyền thống*, Chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước KX-09, Hà Nội.
6. Huệ Khải (Dũ Lan Lê Anh Dũng) (2010), *Tam giáo Việt Nam: Tiền đề tư tưởng mở đạo Cao Đài*, Nxb Tam Giáo Đồng Nguyên, San Martin, CA.
7. Võ Phương Lan, Nguyễn Ngọc Quỳnh (2003), “Về cuốn sách chữ Nôm *Hội đồng Tứ giáo*”, *Thông báo Hán Nôm học năm 2002*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Trịnh Khắc Mạnh (2017), “Quan niệm về mối quan hệ tam giáo (Nho, Phật, Đạo) của các trí thức Việt Nam thời trung đại”, Nguyễn Kim Sơn (chủ biên), *Nho học Đông Á: truyền thống và hiện đại*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
9. Trần Văn Hiến Minh, Vũ Đình Trác (1962), *Tam giáo đại cương: Triết học Đông phương*, Tủ sách Ra khơi, Sài Gòn.
10. Lê Anh Minh (2003), “Khởi nguyên của Phật giáo Việt Nam”, in trong: *Triết giáo Đông phương*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.

11. Trần Nghĩa (2010), “Quá trình hội nhập Nho – Phật – Lão hay sự hình thành tư tưởng “tam giáo đồng nguyên” ở Việt Nam”, Tạp chí *Triết học*, số 1.
12. Trần Thị Thuý Ngọc (2011), “Tinh thần Tam giáo trong *Trúc lâm tông chỉ nguyên thanh*”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 4.
13. Vũ Tuân Sán, Đinh Khắc Thuân (1990), “Bài văn bia ghi việc tạc tượng Tam giáo chùa Cao Dương của Trình Quốc công”, Tạp chí *Hán Nôm*, số 1.
14. Nguyễn Kim Sơn (2007), “Xu hướng hội nhập Tam giáo trong tư tưởng Việt Nam thế kỷ XVIII”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 8.
15. Nguyễn Kim Sơn (2016), “Cơ chế kết hợp tư tưởng Tam giáo của Trịnh Tuệ trong *Tam giáo nhất nguyên thuyết*”, Tạp chí *Khoa học Xã hội và Nhân văn*, t.2, số 6.
16. Nguyễn Tài Thư (1999), “Tam giáo đồng nguyên - hiện tượng tư tưởng chung của các nước Đông Á”, Tạp chí *Hán Nôm*, số 3.
17. Trần Văn Toàn (2003), “*Tam giáo chư vọng* (1752): Một cuốn sách viết tay bản về tôn giáo Việt Nam”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1.
18. Thích Hạnh Tuệ (2018), *Nghiên cứu về Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
19. Trung tâm Nghiên cứu Trung Quốc (Đại học Quốc gia Hà Nội) (2017), *Nho giáo trong tương quan Tam giáo*, tập tài liệu Hội thảo khoa học cấp quốc gia, Hà Nội, 25/11/2017 (tài liệu chưa xuất bản chính thức).
20. Trần Nguyên Việt (2005), “Về mối quan hệ Tam giáo trong tư tưởng Nguyễn Trãi”, Tạp chí *Triết học*, số 7.
21. Trần Ngọc Vương (1998), “Tam giáo đồng nguyên: Một hình thức khoan dung ở khu vực Đông Á”, *Văn học Việt Nam: Dòng riêng giữa nguồn chung*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
22. Berling, J. A. (1980), *The Syncretic Religion of Lin Chao-en*, Columbia University Press, New York.
23. Franke, W. (1972), “Some Remarks on the “Three-in-One Doctrine” and Its Manifestations in Singapore and Malaysia”, *Oriens Extremus*, Vol. 19, No. 1/2.
24. Langlois, John D. Jr. & Sun K'o-K'uan (1983), “Three Teachings Syncretism and the Thought of Ming T'ai-tsu”, *Harvard Journal of Asiatic Studies*, Vol. 43, No.1.
25. Liu Ts'un-yan (柳存仁) (1967), “Lin Chao-ên (林兆恩) (1517-1598), the Master of the Three Teachings”, *T'oung Pao*, Second Series, Vol. 53, Livr. 4/5.
26. Paracka, D. J. (2012), “China’s Three Teachings and the Relationship of Heaven, Earth and Humanity”, *Worldviews*, Vol. 16.
27. Smith, R. (1978), “The ‘Three Teachings’: Confucianism, Taoism, and Buddhism”, *Rice Institute Pamphlet - Rice University Studies*, No. 64, Special Issue.
28. Sun, A. (2013), *Confucianism as a World Religion: Contested Histories and Contemporary Realities*, Princeton University Press, Princeton.
29. Taylor, L. R. & Choy, H. Y. F. (2005), *The Illustrated Encyclopedia of Confucianism*, The Rosen Publishing Group, New York.
30. Tran Q. Anh (2012), “Inculturation, Mission, and Dialogue in Vietnam: The Conference of Representatives of the Four Religions”, in David Lindenfeld & Miles Richardson (eds.), *Beyond Conversion and Syncretism: Indigenous Encounters with Missionary Christianity, 1800-2000*, Berghahn Books, New York.
31. Tran Q. Anh (2017), *Gods, Heroes, and Ancestors: An Interreligious Encounter in Eighteenth-Century Vietnam*, Oxford University Press, Oxford.
32. Yao Xinzong (2000), *An Introduction to Confucianism*, Cambridge University Press, Cambridge.
33. Ye Fred Y (2014), “Co-Existence and Convergence: Confucianism, Taoism and Buddhism in the Book Cai Gen Tan”, *Open Journal of Philosophy*, No. 1.

34. He Jing 何静 (2007), 《论王阳明的致良知说对儒释道三教的融合》, 载: 《浙江社会科学》第3期.
35. He Shanmeng 何善蒙 (2011), 《三一教研究》, 杭州: 浙江大学出版社.
36. Hong Xiuping 洪修平 (2011), 《中国儒佛道三教关系研究》, 北京: 中国社会科学出版社.
37. Huang Xinchuan 黄心川 (2001), 《“三教合一”在我国发展的过程、特点及其对周边国家的影响》, 载: 《诠释与建构: 汤一介先生七十五周年华诞暨从教五十周年纪念文集》, 北京: 北京大学出版社.
38. Jao Tsung-I 饒宗頤 (2009), 《三教論及其海外移植》, 载: 《饒宗頤二十世紀學術文集 (卷5: 宗教學)》, 北京: 中國人民大學出版社.
39. Li Silong 李四龙 (2011), 《论儒释道“三教合流”的类型》, 载: 《北京大学学报 (哲学社会科学版)》第48卷第2期.
40. Li Xia 李霞 (2006), 《圆融之思: 儒道佛及其关系研究》, 合肥: 安徽大学出版社.
41. Niu Junkai 牛軍凱 (2013), 《18世紀越南的三教寺和三教思想》, 载: 《東南亞南亞研究》第2期.
42. Pan Guiming 潘桂明 (1986), 《试论梁武帝的“三教”思想及其历史影响》, 载: 《孔子研究》第4期.
43. Park Cheol Hong 朴喆洪 (2002), 《阳明哲学的儒佛道三教和合体系及其精神》, 中国人民大学哲学系博士论文.
44. Shao Hanming, Qi Si 邵汉明, 漆思 (2007), 《“和而不同”: 儒道释和谐思想分疏及其当代启示》, 载: 《天津师范大学学报 (社会科学版)》第5期.
45. Tang Dachao 唐大潮 (2000), 《明清之際道教「三教合一」思想論》, 北京: 宗教文化出版社.
46. Tang Yijie 汤一介 (2012), 《论儒、释、道“三教归一”问题》, 载《中国哲学史》第3期.
47. Wang Hongjun 王洪军 (2009), 《中古时期儒释道整合研究》, 天津: 天津人民出版社.
48. Xu Shengxin 徐聖心 (2016), 《青天無處不同霞——明末清初三教會通管窺 (增訂版)》, 臺北: 國立臺灣大學出版中心.
49. Yan Yaozhong 严耀中 (2002), 《论“三教”到“三教合一”》载: 《史学研究》第11期.
50. Zhang Quangbao, Yang Hao 张广保、杨浩主编 (2016), 《儒释道三教关系研究论文选粹》, 北京: 华夏出版社.
51. Zhu Hongyuan 朱泐源 (2011), 《從三教合一到五教共和: 縱觀中華世界的信仰與辛亥革命之特色與缺失》, 载: 《國家發展研究》10卷2期.
52. Tsukamoto Shunko 塚本俊孝 (1959), 「雍正帝の儒佛道三教一體觀」, 『東洋史研究』18 (3).
53. Nguyễn Thị Dung (2018), “Về một ngôi chùa cổ thờ Tam giáo ở Hà Nội”, <http://thegioidisan.vn/vi/ve-mot-ngoi-chua-co-tho-tam-giao-o-ha-noi.html>, truy cập ngày 10/3/2018.